

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **1637**/UBND-KTTH
V/v tiếp nhận tài sản
của Đoàn đại biểu Quốc hội
tỉnh Quảng Ngãi

Quảng Ngãi, ngày **12** tháng 4 năm 2022

Kính gửi:

- Văn phòng Quốc hội;
- Bộ Tài chính.

Thực hiện nội dung các Công văn của Văn phòng Quốc hội: Số 2106/HD-VPQH ngày 07/10/2020 về việc hướng dẫn việc quản lý, sử dụng kinh phí hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, thành phố và số 2614/VPQH-KHTC ngày 08/11/2021 về việc gửi hồ sơ điều chuyển tài sản (lần 3), trên cơ sở đề nghị của Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Quảng Ngãi tại Công văn số 110/ĐĐBQH ngày 21/3/2022 và đề xuất của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 935/STC-QLGCS ngày 04/4/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi thống nhất việc tiếp nhận tài sản của Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Quảng Ngãi đang quản lý, sử dụng về địa phương để tiếp tục quản lý, sử dụng theo quy định (*danh mục tài sản kèm theo*).

Kính đề nghị Văn phòng Quốc hội, Bộ Tài chính xem xét, quyết định.

(*Công văn này thay thế các Công văn số 5942/UBND-KTTH ngày 08/11/2021 và số 6945/UBND-KTTH ngày 21/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi*).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Sở Tài chính;
- VPUB: CVP, PCVP(KT), CBTH;
- Lưu: VT, KTTH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Phiên

Phụ lục số 01**DANH MỤC TÀI SẢN ĐỀ NGHỊ TIẾP NHẬN**

(Kèm theo Công văn số 1637/UBND-KTTH ngày 12/4/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

I. Đất: 1.594,8 m²

Nguyên giá: 46.810.152.000 đồng

(Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 583656, số vào sổ cấp GCN: CT12597 ngày 26/6/2019)

II. Danh mục tài sản:

STT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá	Giá trị còn lại
1	Nhà làm việc cấp III	Nhà	1	2009	4.460.750.700	2.319.590.364
2	Xe Fotune	Cái	1	2013	1.130.800.000	0
3	Xe Toyota 5 chỗ	Cái	1	2005	591.093.100	0
4	Tranh sơn dầu 2017	Cái	1	2017	50.000.000	43.750.000
5	Bộ máy tính bàn	Cái	1	2017	12.000.000	4.800.000
6	Máy tính xách tay	Cái	1	2017	14.500.000	5.800.000
7	Máy vi tính xách tay	Cái	2	2017	31.400.000	12.560.000
8	Máy scan	Cái	1	2017	21.000.000	8.400.000
9	Máy vi tính HP	Cái	1	2009	17.906.900	0
10	Máy tính bàn	Cái	2	2017	38.850.000	15.540.000
11	Máy in (Hoàng Tân)	Cái	1		4.000.000	0
12	Máy chiếu (Văn phòng)	Cái	1	2006	25.712.269	0
13	Máy chiếu (Văn phòng)	Cái	1	2004	44.900.000	0
14	Máy FAX	Cái	1	2017	2.300.000	920.000
15	Máy FAX	Cái	1	2004	5.820.000	0
16	Tủ lạnh	Cái	1		3.700.000	0
17	Máy Photocopy (Văn thư)	Cái	1	2004	45.300.000	0
18	Máy Photocopy (Văn thư)	Cái	1	2017	60.900.000	13.690.320
19	Máy điều hòa nhiệt độ	Cái	2	2003	14.497.000	0
20	Máy điều hòa nhiệt độ	Cái	2	2013	19.000.000	5.538.500
21	Máy điều hòa nhiệt độ	Cái	3	2004	42.000.000	0
22	Máy vi tính xách tay	Cái	1	2019	13.000.000	10.400.000
23	Máy in (Hiền)	Cái	1	2019	7.000.000	5.600.000
24	Bộ bàn ô van	Bộ	1	2014	32.011.000	4.001.375
25	Bộ sa lon, tủ, bàn kê thiết bị máy tính, bàn, ghế làm việc (43 ghế, 11 bàn, 6 tủ) kê thiết bị máy tính	Cái	60	2019	170.359.500	108.385.311
26	Bộ kê + thiết bị trực tuyến	Bộ	1	2014	9.744.000	1.218.000
27	Máy điều hòa nhiệt độ	Cái	1	2017	19.800.000	9.900.000
28	Bàn làm việc	Bộ	1	2017	10.000.000	5.000.000
29	Tủ đựng tài liệu	Cái	1	2017	10.000.000	5.000.000
	Tổng cộng				6.908.344.469	2.580.093.870

Phụ lục số 02

DANH MỤC TÀI SẢN ĐỀ NGHỊ TIẾP NHẬN

(Kèm theo Công văn số ~~1637~~ UBND-KTTH ngày ~~12~~ /4/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Danh mục tài sản nguồn ngân sách địa phương hỗ trợ

STT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Nguyên giá	Giá trị còn lại
1	Bàn tiếp khách 14 món	Bộ	1	2017	263.000.000	131.500.000
2	Đồng hồ	Cái	1	2017	22.000.000	11.000.000
3	Bộ bàn làm việc	Bộ	1	2017	16.000.000	8.000.000
4	Tủ đựng tài liệu	Cái	1	2017	22.000.000	11.000.000
5	Tủ đựng tài liệu	Cái	1	2017	10.000.000	5.000.000
6	Bộ bàn tiếp khách	Bộ	1	2017	12.000.000	6.000.000
	Tổng cộng				345.000.000	172.500.000